

BỘ Y TẾ
Số: 2629/1997/BYT-QĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Về việc ban hành danh mục hàng hoá thực phẩm phải đăng ký chất lượng năm 1998

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Điều 7, Chương II, Luật BVSKND và Điều lệ vệ sinh, ban hành theo Nghị định số 23/HĐBT ngày 24/01/1991;

Căn cứ Nghị định số 68/CP ngày 11/10/1993 của Chính phủ, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy của Bộ Y tế;

Căn cứ Khoản 1, Điều 4 Nghị định số 86/CP ngày 08/12/1995 của Chính phủ về việc phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với chất lượng hàng hoá và Thông tư liên bộ Y tế - Khoa học Công nghệ Môi trường số 07/TTLB ngày 01/7/1996 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/CP ngày 08/12/1995;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Y tế dự phòng - Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này bản "Danh mục hàng hoá thực phẩm phải đăng ký chất lượng năm 1998" (có bản danh mục kèm theo). Riêng danh mục hàng hoá thực phẩm thuỷ sản phải đăng ký chất lượng năm 1998 được thực hiện theo Quyết định của Bộ trưởng

Bộ Khoa học Công nghệ Môi trường số 1606/QĐ-TĐC ngày 21/10/1997 về việc ban hành danh mục hàng hoá bắt buộc phải đăng ký chất lượng năm 1998.

Điều 2: Tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế sản xuất, chế biến hàng hoá thực phẩm và nhập khẩu thực phẩm trong danh mục ban hành kèm theo quyết định này đều phải đăng ký chất lượng hàng hoá theo quy định.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/1998. Các quy định trước đây trái với quy định trong Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4: Vụ Y tế dự phòng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 5: Các ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Y tế dự phòng và các Vụ của cơ quan Bộ Y tế, Giám đốc sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**DANH MỤC HÀNG HOÁ THỰC PHẨM SẢN XUẤT TRONG NƯỚC
VÀ NHẬP KHẨU PHẢI ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG NĂM 1998**

*(Ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế
số 2629/1997/BYT-QĐ ngày 13 tháng 12 năm 1997)*

Mã số HS		Tên hàng hóa mô tả mặt hàng	Căn cứ đăng ký CL
Nhóm	Phân nhóm		
0210		Thịt và các cơ quan nội tạng dùng làm thực phẩm, muối, ngâm nước muối, sấy khô, hun khói; Các loại	- Tiêu chuẩn Việt Nam

			bột ăn và thức ăn chế biến từ thịt và các cơ quan nội tạng (đóng gói sẵn)	- Tiêu chuẩn của Bộ Y tế - Tiêu chuẩn cơ sở
0210	90	00	- Loại khác, kể cả bột ăn, thức ăn làm từ thịt hoặc các bộ phận nội tạng dạng thịt	- Hợp đồng thương mại
				- Tiêu chuẩn Codex
0401			Sữa và kem chưa cô đặc, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác. (Sữa tươi đóng chai, đóng túi).	- nt -
0401	10		- Có hàm lượng chất béo không quá 1%	
0401	10	19	-- Sữa tươi đã chế biến	
0401	10	90	-- Loại khác	
0401	20		- Có hàm lượng chất béo trên 1% nhưng không quá 6%	
0401	20	19	-- Sữa tươi đã chế biến	
0401	20	90	-- Loại khác	

0401	30		- Có hàm lượng chất béo trên 6%	
0401	30	19	-- Sữa tươi đã chế biến	
0401	30	90	-- Loại khác	
0402			Sữa và kem đã cô đặc, đã pha thêm đường hoặc chất ngọt khác	- nt -
0402	10		- Dạng bột, hạt nhỏ hoặc dưới dạng các thể rắn khác có hàm lượng chất béo không quá 1,5%	
			- Dạng bột hạt nhỏ hoặc dưới dạng các thể rắn khác có hàm lượng chất béo trên 1,5%	
0402	29		- Sữa đặc có đường	
0402	00	10	- Sữa và kem, cô đặc chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác (sữa gầy)	
0402	00	90	- Sữa và kem khác	
			Sữa bột dùng cho trẻ em từ 6 tháng tuổi trở xuống	
			Loại khác	
0403			Sữa nước tách bơ, sữa đông kem, sữa chua, kerphi và sữa, kem khác đã lên men hoặc axit hoá, đã hoặc chưa cô đặc, pha thêm đường hoặc	- nt -

			chất ngọt khác, hương liệu, hoa quả, hoặc cacao.	
0403	10		- Sữa chua, sữa chua đóng gói công nghiệp	
0403	10	10	-- Chưa pha hương liệu, hoa quả, hạt hoặc cacao	
0403	10	90	-- Loại khác	
0403	90		- Loại khác	
0403	90	10	-- Chưa pha hương liệu, hoa quả, hạt hoặc cacao	
0403	90	90	-- Loại khác	
0404			Váng sữa đã hoặc chưa cô đặc, thêm đường hoặc chất ngọt khác; các sản phẩm có chứa thành phần sữa tự nhiên đã hoặc chưa thêm đường hoặc chất ngọt khác, không được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.	- nt -
0404			- Sữa bột hộp các loại	
0404	10	00	- Nước sữa và sữa đã được làm biến đổi, đã hoặc chưa cô đặc, pha thêm đường hoặc chất ngọt khác	
0404	90	00	- Loại khác	
0405			Bơ và các chất béo khác, các loại	- nt -